TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*Thanh Miện, ngày 03 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông **An Văn Khoái.**

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Hùng** -Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Diên** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST-VDS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 11/2019/QĐST-VDS ngày 23 tháng 9 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương**.

+ *Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu*: Ông **V Đình N** - Chủ tịch UBND xã CLB.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của ông N*: Ông **V Thế V** - Cán bộ Tư pháp hộ tịch xã CLB.

Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh **V Văn Kh**, sinh năm: 1970

+ Chị **Nguyễn Thị Ch**, sinh ngày: 01/02/1977

ĐKHKTT đều ở: Thôn TK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Anh Kh có mặt, chị Ch vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình kiểm tra lý lịch và rà soát các tài liệu hồ sơ lưu giữ của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương như sau: UBND xã CLB phát hiện trường hợp anh V Văn Kh, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 01/02/1977, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn TK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương kết hôn ngày 12 tháng 01 năm 1994 là trái pháp luật; Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình thì chị Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 01/02/1977 nhưng ngày 12/01/1994 đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh V Văn Kh khi đó chị Ch còn thiếu **21** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986. Do anh Kh và chị Ch đã khai chị Ch sinh năm 1970 đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh Kh và chị Ch và ghi trong giấy

chứng nhận kết hôn ghi anh V Đức Kh (*Tên chính xác là V Văn Kh*) sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị Ch sinh năm 1970; UBND xã xác định việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn cho anh Kh và chị Ch là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh Kh và chị Ch nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến việc học hành, thi cử đối với các con của anh chị khi các tài liệu hồ sơ, năm sinh của mẹ không hợp nhau và các cháu không được làm các thủ tục đăng ký dự thi đại học vào các trường mình yêu thích. Hiện tại anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch vẫn chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì.

Vì vậy UBND xã CLB đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn (Kèm Giấy chứng nhận kết hôn số 03/93 của UBND xã CLB cấp cho anh Kh và chị Ch ngày 12/01/1994). Bên cạnh đó, nếu anh Kh và chị Ch yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Kh và chị Ch trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã CLB. Tuy nhiên vào thời điểm đăng ký kết hôn, chị Ch chưa đủ tuổi kết hôn để được đăng ký kết hôn, anh Kh và chị Ch đã khai chị Ch sinh năm 1970 nên được UBND xã đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 03/93 ngày 12-01-1994. Anh Kh và chị Ch đã nhận thấy việc khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn là sai trái và vi phạm pháp luật. Việc UBND xã CLB yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (*Kèm giấy đăng ký kết hôn cho anh chị năm 1994*) anh chị đều nhất trí và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, sau khi đăng ký kết hôn anh chị đã chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì, anh chị đã sinh được 02 con chung gồm: V Thị Tuyết, sinh ngày 27/3/1995 và V Thị Nguyệt, sinh ngày 23/02/2002, nên anh Kh và chị Ch đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Quang Trung - Phó chủ tịch UBND xã CLB thời điểm năm 1994 là người trực tiếp đăng ký kết hôn cho anh Kh và chị Ch thừa nhận do việc kiểm tra giấy tờ tùy thân không kỹ và tin tưởng theo lời khai của anh Kh và chị Ch nên đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh chị vào ngày 12/01/1994 (*Thời điểm đó chị Ch còn thiếu **21** ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn*).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định; Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện áp dụng: Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, Điều 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số:

01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Tuyên huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Kh và chị Ch. Huỷ Giấy chứng nhận kết hôn số 03/93 cấp cho vợ chồng anh Kh và chị Ch ngày 12-01-1994.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn.

+ Về lệ phí: Anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch đều có hộ khẩu thường trú tại thôn TK, xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. UBND xã CLB qua quá trình kiểm tra, rà soát đã phát hiện anh Kh và chị Ch kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhân đăng ký kết hôn của anh Kh và chị Ch năm 1994), đồng thời trong quá trình giải quyết anh Kh và chị Ch đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự là UBND xã Chi Bắc vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp.

[3] Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (Kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh Kh và chị Ch năm 1994) của UBND xã CLB và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Kh và chị Ch kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các tài liệu có trong hồ sơ như sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân của chị Ch đã có đủ căn cứ chứng minh chị Nguyễn Thị Ch sinh ngày 01/02/1977. Vào ngày 12/01/1994, chị Ch đăng ký kết hôn với anh Kh nhưng vì chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai tăng tuổi chị Ch (từ 01/02/1977 lên 1970) để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân, cán bộ đăng ký kết hôn là ông Trần Quang Trung - Phó chủ tịch UBND xã CLB thời điểm đó đã đăng ký kết hôn cho anh Kh và chị Ch tại giấy chứng nhận kết hôn số 03/93 ngày 12/01/1994 thể hiện anh V Văn Kh sinh năm 1970 (*Do sơ suất nên cán bộ đăng ký kết hôn ghi nhầm thành V Đức Kh*) và chị Nguyễn Thị Việt Trinh, sinh năm 1970 (*Chính xác là Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 01-02-1977*)

Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã CLB yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (Kèm theo giấy chứng nhận kết hôn cấp cho anh Kh và chị Ch ngày 12/01/1994) là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi đăng ký kết hôn anh Kh và chị Ch đã chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung gồm: V Thị Tuyết, sinh ngày 27/3/1995 và V Thị Nguyệt, sinh ngày 23/02/2002. Quá trình chung sống, anh Kh và chị Ch không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của UBND xã CLB, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật kèm Giấy chứng nhận kết hôn số 03/93 cấp cho vợ chồng anh Kh và chị Ch ngày 12-01-1994 của UBND xã CLB, huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng nay là huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh V Văn Kh, sinh năm 1970 và chị Nguyễn Thị Ch, sinh ngày 01-02-1977 kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày **02** tháng **02** năm **1994***); Anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch có trách nhiệm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

+ UBND xã CLB không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

+ Anh V Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch phải nộp số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh chị đã nộp theo biên lai số: AA/2017/0002987 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Kh, chị Ch có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố Quyết định; UBND xã CLB có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

- Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hánh án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Thanh Miện;*
- *Người yêu cầu: UBND xã CLB;*
- *Chi Cục THADS huyện Thanh Miện;*
- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu: Hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP

An Văn Khoái